

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

### THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (dưới đây gọi là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/11/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800129232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 11/04/2025.

Cổ phiếu của công ty được giao dịch tại sàn UpCom từ ngày 01/12/2015 với mã giao dịch là KCB.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- |                        |               |
|------------------------|---------------|
| - Ông Lý Xuân Tuyền    | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Trần Văn Chương  | Thành viên    |
| - Ông Nguyễn Mạnh Hưng | Thành viên    |
| - Ông Đỗ Hữu Chiêm     | Thành viên    |
| - Ông Hà Ngọc Bình     | Thành viên    |

### BAN GIÁM ĐỐC

- |                       |              |   |
|-----------------------|--------------|---|
| - Ông Trần Văn Chương | Giám đốc     | <i>Tạm thôi Quyền Giám đốc từ ngày 17/02/2025 đến ngày 25/07/2025</i> |
| - Ông Đỗ Hữu Chiêm    | Phó Giám đốc | <i>Giữ Quyền Giám đốc từ ngày 17/02/2025 đến ngày 25/07/2025</i>      |

### BAN KIỂM SOÁT

- |                      |                      |                                      |
|----------------------|----------------------|--------------------------------------|
| - Ông Lê Thanh Tùng  | Trưởng Ban kiểm soát |                                      |
| - Ông Đặng Giang Nam | Thành viên           |                                      |
| - Ông Đàm Nông Minh  | Thành viên           | <i>Miễn nhiệm từ ngày 08/05/2025</i> |
| - Ông Trương Văn Hải | Thành viên           | <i>Bổ nhiệm từ ngày 08/05/2025</i>   |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Văn Chương - Chức danh: Giám đốc.

Ông Trần Văn Chương tạm thôi quản lý, điều hành hoạt động của Công ty kể từ ngày 17/02/2025 đến hết ngày 25/07/2025 theo Quyết định số 109/QĐ-KSLK ngày 17/02/2025 của Hội đồng quản trị.

Ông Đỗ Hữu Chiêm được giao nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty kể từ ngày 17/02/2025 đến hết ngày 25/07/2025 theo Quyết định số 110/QĐ-KSLK ngày 17/02/2025 của Hội đồng quản trị.

### TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính tại Phố Kim Đồng, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 29. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, *Chữ*



*Chữ*  
Ông Trần Văn Chương

Giám đốc

Cao Bằng, ngày 26 tháng 03 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>113.944.628.159</b>	<b>94.519.773.978</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>13.902.106.635</b>	<b>8.776.690.906</b>
1. Tiền	111		13.902.106.635	5.776.690.906
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>47.080.657.534</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.000.000.000	47.080.657.534
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>56.965.788.716</b>	<b>24.625.879.739</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	52.095.132.734	22.860.872.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	724.547.538	1.130.979.279
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.959.429.353	1.447.348.517
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(813.320.909)	(813.320.909)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>11.440.085.461</b>	<b>14.032.373.214</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.440.085.461	14.032.373.214
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.636.647.347</b>	<b>4.172.585</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.288.070.935	4.172.585
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.348.576.412	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.907.330.432</b>	<b>25.788.178.896</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.032.481.510</b>	<b>3.405.280.510</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	4.032.481.510	3.405.280.510
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.356.080.189</b>	<b>16.204.151.391</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.880.934.189	15.729.005.391
<i>Nguyên giá</i>	222		208.502.832.485	197.022.684.787
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(186.621.898.296)	(181.293.679.396)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	475.146.000	475.146.000
<i>Nguyên giá</i>	228		587.786.000	587.786.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(112.640.000)	(112.640.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.550.428.409</b>	<b>3.109.272.409</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	3.550.428.409	3.109.272.409
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.968.340.324</b>	<b>3.069.474.586</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.968.340.324	3.069.474.586
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>145.851.958.591</b>	<b>120.307.952.874</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**B01-DN**

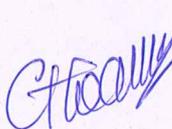
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>45.705.479.488</b>	<b>22.094.492.568</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.707.479.488</b>	<b>22.089.492.568</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.031.471.069	4.602.612.308
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9.978.744.001	9.814.086.845
4. Phải trả người lao động	314		8.053.999.590	3.182.620.530
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	30.532.724	30.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.424.934.939	1.411.322.743
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	2.668.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.519.797.165	3.048.850.142
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.998.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	-	5.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	3.998.000.000	-
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.18</b>	<b>100.146.479.103</b>	<b>98.213.460.306</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>95.457.058.700</b>	<b>92.783.605.103</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.082.792.474	6.082.792.474
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		779.600.000	779.600.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.594.666.226	5.921.212.629
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	283.583.238
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.594.666.226	5.637.629.391
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.689.420.403</b>	<b>5.429.855.203</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		4.689.420.403	5.429.855.203
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>145.851.958.591</b>	<b>120.307.952.874</b>

Cao Bằng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Cung Lê Hoàng

Kế toán trưởng



Cung Lê Hoàng

Giám đốc




Trần Văn Chương

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**B02-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	135.208.850.170	122.638.506.902
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>135.208.850.170</b>	<b>122.638.506.902</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91.327.384.417	75.399.670.242
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>43.881.465.753</b>	<b>47.238.836.660</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.190.652.071	1.364.970.597
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	267.531.888	12.130.137
Trong đó: chi phí lãi vay	23		267.531.888	12.130.137
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.107.780.267	2.338.546.106
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.090.729.833	27.823.003.822
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>13.606.075.836</b>	<b>18.430.127.192</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	623.805.168	39.708.000
12. Chi phí khác	32	VI.8	706.391.371	6.523.432.660
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(82.586.203)</b>	<b>(6.483.724.660)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>13.523.489.633</b>	<b>11.946.402.532</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	4.928.823.407	6.308.773.141
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>8.594.666.226</b>	<b>5.637.629.391</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.11</b>	<b>851</b>	<b>482</b>

Cao Bằng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Cung Lê Hoàng

Cung Lê Hoàng

Trần Văn Chương

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**B03-DN**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.523.489.633	11.946.402.532
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.380.655.878	3.100.105.472
- Các khoản dự phòng	03		-	813.320.909
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.190.652.071)	(1.364.970.597)
- Chi phí lãi vay	06		267.531.888	12.130.137
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.981.025.328	14.506.988.453
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34.386.756.302)	14.324.897.921
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.592.287.753	(2.707.458.750)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.806.698.782	(4.704.967.910)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(182.764.088)	(833.219.432)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(266.999.164)	(13.343.151)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.308.773.141)	(2.094.137.899)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.062.226.652	230.578.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.240.700.000)	(1.107.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.943.754.180)</b>	<b>17.602.037.232</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.921.303.698)	(62.727.273)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(77.000.000.000)	(77.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		95.080.657.534	54.919.342.466
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.191.297.948	1.364.970.597
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.350.651.784</b>	<b>(20.778.414.210)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		8.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.334.000.000)	(550.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.947.481.875)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.718.518.125</b>	<b>(550.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>5.125.415.729</b>	<b>(3.726.376.979)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>8.776.690.906</b>	<b>12.503.067.885</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>13.902.106.635</b>	<b>8.776.690.906</b>

Cao Bằng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Cung Lê Hoàng

Cung Lê Hoàng

Trần Văn Chương

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (dưới đây gọi là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/11/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800129232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 11/04/2025.

Cổ phiếu của công ty được giao dịch tại sàn UpCom từ ngày 01/12/2015 với mã giao dịch là KCB.

Công ty có trụ sở chính tại Phố Kim Đồng, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Khảo sát, thăm dò địa chất các loại khoáng sản (kể cả đá quý và vàng);
- Khai thác, tuyển luyện, gia công, chế biến kinh doanh, xuất khẩu khoáng sản, vàng, bạc, đá quý, kim loại, nước khoáng và vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông và công trình hạ tầng;
- Sản xuất thủy điện, xây dựng đường dây và trạm trung thế, hạ thế.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là khai thác kinh doanh khoáng sản; Sản xuất tiêu thụ sản phẩm luyện kim; sản xuất và kinh doanh các dịch vụ thương mại khác như nước lọc, chè đóng hộp các loại.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty không phát sinh những sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô,... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

#### 6. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 189 người (tại ngày 31/12/2024 là 191 người).

#### 7. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 01 chi nhánh trực thuộc như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp chè đẳng và thương mại	Phố Kim Đồng, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

#### 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán hàng năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (không quá 03 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, nếu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định khác thì các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giảm trừ trực tiếp vào giá trị khoản đầu tư.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi tiền gửi; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại,...).

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản mà chưa hoàn thành thành phẩm tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Công ty trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau khi đưa TSCĐ vào hoạt động (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ HH.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận là khoản lãi hoặc lỗ và trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thời gian sử dụng ước tính được phân loại theo từng nhóm tài sản như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm

**6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật đất đai (năm 2003) mà tiền thuê đất đã được trả cho thời gian thuê dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

***Phần mềm máy tính***

Chi phí mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được hạch toán là một tài sản cố định vô hình. Chương trình phần mềm của công ty bao gồm phần mềm kế toán.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 7 năm.

**7. Nguyên tắc kế toán xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản cố định (chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ, chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành,...) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ,... và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

#### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: Chi phí lãi vay phải trả, chi phí gia công thuê ngoài, chi phí khác.

##### **Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả**

*Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả:* Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### **Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông góp vốn.

Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chi tiêu: vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

##### **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

##### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Là số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Quyế đầu tư phát triển**

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có liên quan quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Doanh thu cho thuê được ghi nhận phù hợp với hợp đồng thuê và được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi.

**Lãi tiền gửi:** Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

**16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí bán hàng:** Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và chi phí bằng tiền khác.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**17. Nguyên tắc kế toán thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác tài nguyên đối với mỏ vàng, thiếc ở tỉnh Cao Bằng được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế của hoạt động khai thác vàng, thiếc, vonfram và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 40% theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành đối với hoạt động khác được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	217.763.608	68.563.181
Tiền gửi ngân hàng	13.684.343.027	5.708.127.725
<b>Cộng</b>	<b>13.902.106.635</b>	<b>5.776.690.906</b>
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.902.106.635</b>	<b>8.776.690.906</b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn (*)	29.000.000.000	47.080.657.534
<b>Cộng</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>47.080.657.534</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng và ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 2,9%/năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

#### a. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	45.387.629.078	21.956.337.852
Công ty Cổ phần Cân Hà	3.491.683.223	3.350.163.223
Công ty TNHH MTV Mỏ và Luyện kim Thái Nguyên	39.478.100.035	14.836.652.795
Các đối tượng khác	2.417.845.820	3.769.521.834
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)	<b>6.707.503.656</b>	<b>904.535.000</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>52.095.132.734</u></b>	<b><u>22.860.872.852</u></b>

#### b. Dự phòng phải thu khó đòi

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Số dư đầu năm	813.320.909	-
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-	813.320.909
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Xóa nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>813.320.909</u></b>	<b><u>813.320.909</u></b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	575.832.023	1.130.979.279
Doanh nghiệp thương mại Đức Hiếu	264.281.795	264.281.795
Hợp tác xã Ngôi sao sáng	-	203.500.000
Công ty TNHH máy công trình Hà Nội	-	301.026.780
Các đối tượng khác	311.550.228	362.170.704
<b>Trả trước cho người bán là bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)	<b>148.715.515</b>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>724.547.538</u></b>	<b><u>1.130.979.279</u></b>

### 5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.959.429.353</b>	<b>1.447.348.517</b>
Tạm ứng	701.193.745	686.730.323
Lãi dự thu	253.630.508	254.276.385
Đảm bảo thực hiện hợp đồng	2.000.000.000	-
Phải thu dịch vụ nổ mìn	1.465.793.280	-
Các đối tượng khác	538.811.820	506.341.809
<b>Dài hạn</b>	<b>4.032.481.510</b>	<b>3.405.280.510</b>
Ký cược, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường	4.032.481.510	3.405.280.510
<b>Cộng</b>	<b><u>8.991.910.863</u></b>	<b><u>4.852.629.027</u></b>

Chi tiết phải thu khác là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VII.2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6. Nợ xấu**

*Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc không quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Giao thông TNT	52.025.664	-	52.025.664	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công trình mở	236.692.150	-	236.692.150	-
Trạm quan trắc môi trường - Chi cục bảo vệ môi trường	40.000.000	-	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Việt Mỹ	120.000.000	-	120.000.000	-
Doanh nghiệp Thương mại Đức Hiếu	264.281.795	-	264.281.795	-
Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường	20.000.000	-	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp HPC	15.321.300	-	15.321.300	-
Chi nhánh xí nghiệp cơ khí 2	65.000.000	-	65.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>813.320.909</b>	<b>-</b>	<b>813.320.909</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.502.245.554	-	2.910.682.613	-
Công cụ dụng cụ	9.749.776	-	13.301.812	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.094.809.022	-	655.530.048	-
Thành phẩm	4.833.281.109	-	10.452.858.741	-
<b>Cộng</b>	<b>11.440.085.461</b>	<b>-</b>	<b>14.032.373.214</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.288.070.935</b>	<b>4.172.585</b>
Chi phí sửa chữa lớn	1.229.139.332	-
Bảo hiểm	57.430.633	-
Các khoản khác	1.500.969	4.172.585
<b>Dài hạn</b>	<b>1.968.340.324</b>	<b>3.069.474.586</b>
Chi phí cấp quyền nước mặt thủy điện	224.691.357	524.237.054
Chi phí sửa chữa nhà khách	1.646.918.408	2.545.237.532
Các khoản khác	96.730.559	-
<b>Cộng</b>	<b>3.256.411.259</b>	<b>3.073.647.171</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án mở thiếc sa khoáng Nậm Kép	2.246.547.166	2.246.547.166
Dự án gia hạn Thập lục phần (2025-2030)	862.725.243	862.725.243
Dự án khai thác Mô sắt Nà lũng giai đoạn 2026-2033	441.156.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.550.428.409</b>	<b>3.109.272.409</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	93.401.118.773	72.593.151.308	30.475.248.517	508.166.189	45.000.000	197.022.684.787
Mua mới trong năm	-	6.358.000.000	4.783.241.334	338.906.364	-	11.480.147.698
Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>93.401.118.773</b>	<b>78.951.151.308</b>	<b>35.258.489.851</b>	<b>847.072.553</b>	<b>45.000.000</b>	<b>208.502.832.485</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	83.683.989.470	70.436.622.619	26.666.689.003	461.378.304	45.000.000	181.293.679.396
Khấu hao trong năm	513.726.015	2.318.226.333	1.484.247.054	64.456.476	-	4.380.655.878
Hao mòn TSCĐ	207.128.222	-	-	-	-	207.128.222
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ nguồn kinh phí	740.434.800	-	-	-	-	740.434.800
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>85.145.278.507</b>	<b>72.754.848.952</b>	<b>28.150.936.057</b>	<b>525.834.780</b>	<b>45.000.000</b>	<b>186.621.898.296</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	9.717.129.303	2.156.528.689	3.808.559.514	46.787.885	-	15.729.005.391
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.255.840.266</b>	<b>6.196.302.356</b>	<b>7.107.553.794</b>	<b>321.237.773</b>	<b>-</b>	<b>21.880.934.189</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của công ty tại ngày 31/12/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 155.601.359.197 VND (tại ngày 31/12/2024 là 135.454.695.865 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của công ty tại ngày 31/12/2025 chờ thanh lý là 25.133.370.998 VND (tại ngày 31/12/2024 là 11.001.513.099 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2025 dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay là 4.185.236.742 VND (tại ngày 31/12/2024 là 0 VND).

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	70.000.000	517.786.000	587.786.000
Tăng / giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>70.000.000</b>	<b>517.786.000</b>	<b>587.786.000</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	70.000.000	42.640.000	112.640.000
Tăng trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>70.000.000</b>	<b>42.640.000</b>	<b>112.640.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	475.146.000	475.146.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>475.146.000</b>	<b>475.146.000</b>

Nguyên giá quyền sử dụng đất có thời hạn là 42.640.000 VND, nguyên giá quyền sử dụng đất không thời hạn là 475.146.000 VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của công ty tại ngày 31/12/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 112.640.000 VND (tại ngày 31/12/2024 là 112.640.000 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2025 dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay là 0 VND (tại ngày 31/12/2024 là 0 VND).

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán là bên thứ ba</b>	<b>6.706.847.022</b>	<b>6.706.847.022</b>	<b>4.249.187.523</b>	<b>4.249.187.523</b>
Công ty Cổ phần Hợp Lợi Cao Bằng	-	-	804.295.984	804.295.984
Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị mỏ Hà Nội	2.292.995.814	2.292.995.814	711.410.000	711.410.000
Công ty TNHH Kinh doanh Xăng dầu TAT	283.517.099	283.517.099	412.095.600	412.095.600
Công ty TNHH Hà Thành Cao Bằng	590.532.683	590.532.683	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và thương mại Hương Hải	317.520.000	317.520.000	-	-
Các đối tượng khác	3.222.281.426	3.222.281.426	2.321.385.939	2.321.385.939
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)	<b>324.624.047</b>	<b>324.624.047</b>	<b>353.424.785</b>	<b>353.424.785</b>
<b>Cộng</b>	<b>7.031.471.069</b>	<b>7.031.471.069</b>	<b>4.602.612.308</b>	<b>4.602.612.308</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	2.688.880.221	7.268.758.324	6.843.165.247	3.114.473.298
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.308.773.142	4.928.823.407	6.308.773.141	4.928.823.408
Thuế tài nguyên	464.873.992	7.683.836.690	7.160.352.606	988.358.076
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.210.635.926	2.210.635.926	-
Phí bảo vệ môi trường	95.633.934	1.427.995.957	1.331.871.074	191.758.817
Các loại thuế khác	28.484.000	-	28.484.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	227.441.556	881.855.940	353.967.094	755.330.402
<b>Cộng</b>	<b>9.814.086.845</b>	<b>24.401.906.244</b>	<b>24.237.249.088</b>	<b>9.978.744.001</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**14. Thuế phải thu**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thuế đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	-	393.712.552	522.732.952	129.020.400
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.010.767.159	2.229.554.827	1.218.787.668
Các loại thuế khác	-	199.649.524	200.417.868	768.344
<b>Cộng</b>	-	<b>1.604.129.235</b>	<b>2.952.705.647</b>	<b>1.348.576.412</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền vay phải trả	532.724	-
Các khoản khác	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.532.724</b>	<b>30.000.000</b>

**16. Phải trả khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.424.934.939</b>	<b>1.411.322.743</b>
Nhận ký quỹ, đặt cọc hợp tác Công ty Cổ phần Cân Hà (*)	2.748.608.000	471.088.814
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký	740.392.000	415.200.000
Cổ tức phải trả 2023	143.963.875	298.837.725
Cổ tức phải trả 2024	207.391.975	-
Phải trả dịch vụ nổ mìn	1.465.793.280	-
Các khoản khác	2.118.785.809	226.196.204
<b>Dài hạn</b>	-	<b>5.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	-	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.424.934.939</b>	<b>1.416.322.743</b>

Chi tiết phải trả khác là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VII.2.

(\*)Khoản nhận ký quỹ, đặt cọc với Công ty Cổ phần Cân Hà theo Hợp đồng số 558/2018/HĐHT/KSLKCB-CÂN HÀ ngày 15/09/2018 về việc Hợp tác đầu tư kinh doanh khai thác, chế biến quặng sắt tại mỏ sắt Nà Lũng, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo Giấy phép khai thác số 1072/QĐ-QLTN ngày 19/04/1996 của Bộ Công nghiệp cũ (nay là Bộ Công thương) cấp phép khai thác cho Xí nghiệp khai thác chế biến quặng sắt Nà Lũng nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng và đặt cọc tiền dịch vụ nổ mìn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
	<i>Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ</i>
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	<b>4.002.000.000</b>	<b>1.334.000.000</b>	<b>2.668.000.000</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	<i>4.002.000.000</i>	<i>1.334.000.000</i>	<i>2.668.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	-	4.002.000.000	1.334.000.000	2.668.000.000
<b>Tổng cộng</b>	-	<b>4.002.000.000</b>	<b>1.334.000.000</b>	<b>2.668.000.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>	-	<b>8.000.000.000</b>	<b>4.002.000.000</b>	<b>3.998.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	-	8.000.000.000	4.002.000.000	3.998.000.000
<b>Tổng cộng</b>	-	<b>8.000.000.000</b>	<b>4.002.000.000</b>	<b>3.998.000.000</b>

Chi tiết các khoản vay như sau:

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2025/771728/HĐTD ngày 12/6/2025, số tiền vay là 8 tỷ đồng. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 6,5%/năm trong vòng 12 tháng đầu tiên (đến ngày 12/6/2026), sau đó điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng. Mục đích vay: Trả tiền mua 03 xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 188/2025/HĐMB-KSLK ký ngày 14/3/2025 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng và Công ty TNHH UFO Việt Nam và tiền mua máy xúc thủy lực theo Hợp đồng mua bán số 80/2025/HĐMB-KSKL ký ngày 20/01/2025 giữa công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng và Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp GTN Việt Nam. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, màu xanh, BKS 11S-137.29 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2025/771728/HĐBĐ ngày 12/6/2025, Xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, màu xanh, BKS 11A-137.44 theo hợp đồng thế chấp tài sản 02/2025/771728/HĐBĐ ngày 12/6/2025, Xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, màu xanh, BKS 11A-137.82 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2025/771728/HĐBĐ ngày 12/06/2025.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	6.082.792.474	779.600.000	6.146.583.238	93.008.975.712
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.637.629.391	5.637.629.391
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.863.000.000)	(5.863.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>6.082.792.474</b>	<b>779.600.000</b>	<b>5.921.212.629</b>	<b>92.783.605.103</b>
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	6.082.792.474	779.600.000	5.921.212.629	92.783.605.103
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	8.594.666.226	8.594.666.226
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(5.921.212.629)	(5.921.212.629)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>6.082.792.474</b>	<b>779.600.000</b>	<b>8.594.666.226</b>	<b>95.457.058.700</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2025 của Đại hội đồng cổ đông. Trong đó, thực hiện chia cổ tức số tiền 4.000.000.000 VND, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 1.783.712.629 VND và quỹ viên chức quản lý 137.500.000 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	41.508.690.000	41.508.690.000
Các cổ đông khác	38.491.310.000	38.491.310.000
<b>Cộng</b>	<b><u>80.000.000.000</u></b>	<b><u>80.000.000.000</u></b>

### c. Giao dịch về vốn đối với chủ sở hữu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ <b>Vốn góp cuối năm</b>	<b><u>80.000.000.000</u></b>	<b><u>80.000.000.000</u></b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b><u>4.000.000.000</u></b>	<b><u>4.000.000.000</u></b>

### d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành/ đã chào bán	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/ bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

### e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	6.082.792.474	6.082.792.474
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	779.600.000	779.600.000

### f. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Tại ngày 31/12/2025, nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định là giá trị còn lại của hạng mục nạo vét, khôi phục Tuynel thoát nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam cấp từ nguồn tập trung của Tập đoàn, cụ thể như sau:

Nguyên giá:	13.476.636.136 đồng
Hao mòn lũy kế đến 31/12/2025:	8.787.215.733 đồng
Giá trị còn lại đến 31/12/2025:	4.689.420.403 đồng

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	122.765.102.562	119.709.490.032
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.171.827.251	1.310.819.192
Doanh thu khác	1.271.920.357	1.618.197.678
<b>Cộng</b>	<b><u>135.208.850.170</u></b>	<b><u>122.638.506.902</u></b>
<b>Trong đó</b>		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	128.086.494.097	120.404.120.784
Doanh thu bán cho bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)	7.122.356.073	2.234.386.118
<b>Cộng</b>	<b><u>135.208.850.170</u></b>	<b><u>122.638.506.902</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Giá vốn bán thành phẩm	74.338.929.884	67.806.818.425
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.109.976.966	504.038.508
Giá vốn khác	6.878.477.567	7.088.813.309
<b>Cộng</b>	<b><u>91.327.384.417</u></b>	<b><u>75.399.670.242</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.190.652.071	1.364.970.597
<b>Cộng</b>	<b><u>1.190.652.071</u></b>	<b><u>1.364.970.597</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Lãi tiền vay	267.531.888	12.130.137
<b>Cộng</b>	<b><u>267.531.888</u></b>	<b><u>12.130.137</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Chi phí nhân viên	2.062.664.100	1.896.428.800
Chi phí vật liệu quản lý	516.487.549	189.469.121
Chi phí khấu hao TSCĐ	93.284.904	49.737.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.174.500	8.800.000
Chi phí bằng tiền khác	282.169.214	194.110.669
<b>Cộng</b>	<b><u>3.107.780.267</u></b>	<b><u>2.338.546.106</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.734.928.985	8.067.074.752
Chi phí vật liệu quản lý	999.195.508	4.179.458.741
Chi phí đồ dùng văn phòng	91.300.396	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	345.748.374	341.640.200
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	81.204.903
Chi phí dự phòng	-	813.320.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.088.967.557	1.026.414.078
Chi phí bằng tiền khác	16.827.589.013	13.313.890.239
<b>Cộng</b>	<b><u><u>28.090.729.833</u></u></b>	<b><u><u>27.823.003.822</u></u></b>

### 7. Thu nhập khác

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Điều chỉnh giảm tiền thuê đất năm 2024	581.640.430	-
Thu nhập khác	42.164.738	39.708.000
<b>Cộng</b>	<b><u><u>623.805.168</u></u></b>	<b><u><u>39.708.000</u></u></b>

### 8. Chi phí khác

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp thuế	68.942.652	66.261.725
Chi phí dự án	-	4.539.658.820
Điều chỉnh theo biên bản KTNN năm 2007	-	354.022.528
Các khoản khác	637.448.719	1.563.489.587
<b>Cộng</b>	<b><u><u>706.391.371</u></u></b>	<b><u><u>6.523.432.660</u></u></b>

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.575.384.760	33.435.046.654
Chi phí nhân công	32.386.238.613	38.993.739.241
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.380.655.878	3.100.105.472
Chi phí dự phòng	-	813.320.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.268.636.280	11.005.867.461
Chi phí khác bằng tiền	41.746.646.879	25.433.410.979
<b>Cộng</b>	<b><u><u>120.357.562.410</u></u></b>	<b><u><u>112.781.490.716</u></u></b>

### 10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.928.823.407	6.308.773.141
<b>Cộng</b>	<b><u><u>4.928.823.407</u></u></b>	<b><u><u>6.308.773.141</u></u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Số năm nay	Số năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	13.523.489.633	11.946.402.532
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>714.835.665</b>	<b>5.419.542.312</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	714.835.665	5.419.542.312
Chi phí không được trừ	714.835.665	5.419.542.312
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	14.238.325.298	17.365.944.844
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế, trong đó:</b>	<b>14.238.325.298</b>	<b>17.365.944.844</b>
Thu nhập chịu thuế của hoạt động khai thác thiếc và vàng được áp dụng thuế suất thuế TNDN 40% (theo điều 10 Nghị định 218/2013/NĐ-CP)	10.405.791.742	14.177.920.860
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khai thác thiếc và vàng	40%	40%
Thu nhập chịu thuế của các hoạt động còn lại	3.832.533.556	3.188.023.984
Thuế suất thuế TNDN các hoạt động còn lại	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.928.823.407</b>	<b>6.308.773.141</b>

### 11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.594.666.226	5.637.629.391
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ	1.783.712.629	1.783.712.629
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	6.810.953.597	3.853.916.762
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	8.000.000	8.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>851</b>	<b>482</b>

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### 2. Giao dịch với các bên liên quan

##### 2.1 Danh sách bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP ("Tổng Công ty"), Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ("Tập đoàn"), các đơn vị trong nội bộ, công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn, Tổng công ty; Ban lãnh đạo của Tập đoàn, Tổng Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình Ban lãnh đạo được nhận biết là liên quan của Công ty.

##### 2.2 Giao dịch với bên liên quan

###### a. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

Họ tên bên liên quan	Các khoản thu nhập	Giá trị giao dịch	
		Số năm nay	Số năm trước
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>529.654.600</b>	<b>366.608.000</b>
Ông Lý Xuân Tuyên	Thù lao, chi phí hoạt động	132.042.400	105.988.000
Ông Trần Văn Chương	Thù lao, chi phí hoạt động	127.131.200	105.988.000
Ông Nguyễn Mạnh Hưng	Thù lao, chi phí hoạt động	88.831.800	51.544.000
Ông Đỗ Hữu Chiêm	Thù lao, chi phí hoạt động	92.817.400	51.544.000
Ông Hà Ngọc Bình	Thù lao, chi phí hoạt động	88.831.800	51.544.000
<b>Ban Giám đốc</b>		<b>961.200.000</b>	<b>999.155.000</b>
Ông Trần Văn Chương	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	513.720.000	529.677.000
Ông Đỗ Hữu Chiêm	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	447.480.000	469.478.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>180.910.200</b>	<b>132.396.000</b>
Ông Trương Văn Hải	Thù lao, chi phí hoạt động	4.012.000	-
Ông Đỗ Ngọc Hải	Thù lao, chi phí hoạt động	38.595.200	20.060.000
Ông Lê Thanh Tùng	Thù lao, chi phí hoạt động	51.640.000	28.084.000
Ông Đặng Giang Nam	Thù lao, chi phí hoạt động	86.663.000	48.144.000
Ông Đàm Nông Minh	Thù lao, chi phí hoạt động	-	36.108.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.675.572.000</b>	<b>1.498.159.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### b. Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Số năm nay	Số năm trước
<b>Mua hàng</b>		<b>795.028.702</b>	<b>897.527.821</b>
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO	Mua dịch vụ	511.328.702	106.883.332
Trung tâm điều trị bệnh nghề và phục hồi chức năng - VIMICO	Mua dịch vụ	61.500.000	762.540.000
Trường cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	Mua dịch vụ	222.200.000	-
Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	Mua dịch vụ	-	1.922.000
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Mua hàng hóa	-	26.182.489
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Mua dịch vụ	86.118.552	-
CHI NHÁNH ĐÁ QUÝ VIỆT NHẬT - VIMICO	Mua dịch vụ	805.000.000	-
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Mua nguyên vật liệu	1.717.767.600	-
<b>Bán hàng</b>		<b>7.122.356.073</b>	<b>2.234.386.118</b>
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO	Bán thành phẩm	67.193.521	63.820.368
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Bán thành phẩm	6.969.044.000	2.170.565.750
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Bán dịch vụ	86.118.552	-
<b>Khác</b>		<b>2.075.434.500</b>	<b>2.475.229.500</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng	-	399.795.000
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Cổ tức	2.075.434.500	2.075.434.500
<b>Cộng</b>		<b>9.992.819.275</b>	<b>5.607.143.439</b>

### c. Số dư bên liên quan

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có số dư với bên liên quan như sau:

#### Phải thu khách hàng (thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.3)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	6.707.503.656	904.535.000
<b>Cộng</b>	<b>6.707.503.656</b>	<b>904.535.000</b>

#### Người mua trả tiền trước (thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.4)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin	148.715.515	-
<b>Cộng</b>	<b>148.715.515</b>	<b>-</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### Phải thu khác (thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.5)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	399.795.000	399.795.000
<b>Cộng</b>	<b>399.795.000</b>	<b>399.795.000</b>

### Phải trả người bán (thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.12)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV Xí nghiệp địa chất 109	324.624.047	324.624.047
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	-	28.800.738
<b>Cộng</b>	<b>324.624.047</b>	<b>353.424.785</b>

### Phải trả khác (thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.16)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	740.392.000	415.200.000
<b>Cộng</b>	<b>740.392.000</b>	<b>415.200.000</b>

### 3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cao Bằng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Cung Lê Hoàng

Kế toán trưởng

Cung Lê Hoàng

Giám đốc



Trần Văn Chương